

A- KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI TOÁN 8

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Biểu thức đại số	Phân thức đại số. Tính chất cơ bản của phân thức đại số. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các phân thức đại số	Số câu: 1 (Câu 1) Điểm: (0,25 đ)			Số câu: 4 (1a,1b,1c,1d) Điểm: (2,5 đ)				Số câu: 1 (5) Điểm: (1,0 đ)	7,0
		Hàm số và đồ thị	Số câu: 2 (Câu 2, 3) Điểm: (0,5 đ)								
		Hàm số bậc nhất $y = ax + b (a \neq 0)$ và đồ thị. Hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b (a \neq 0)$	Số câu: 1 (Câu 4) Điểm: (0,25 đ)			Số câu: 2 (2a,2b) Điểm: (1,5 đ)		Số câu: 1 (3a,3b) Điểm: (1,0 đ)			
2	Tứ giác	Tứ giác	Số câu: 1 (Câu 5) Điểm: (0,25 đ)								3,0
		Tính chất và dấu hiệu nhận biết các tứ giác đặc biệt	Số câu: 3 (Câu 6_8) Điểm: (0,75 đ)			Số câu: 2 (4a,4b) Điểm: (1,5 đ)		Số câu: 1 (4c) Điểm: (0,5 đ)			
Tổng: Số câu			8	0	0	8		3		1	
Điểm			2,0	0	0	5,0		1,5		1,0	10
Tỉ lệ %			20%		55%		15,0%		10%		100%
Tỉ lệ chung			75%				25%				100%

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI TOÁN 8

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Biểu thức đại số	<i>Phân thức đại số. Tính chất cơ bản của phân thức đại số. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các phân thức đại số</i>	– Nhận biết được các khái niệm cơ bản về phân thức đại số; định nghĩa; điều kiện xác định; giá trị của phân thức đại số; hai phân thức bằng nhau.	1 TN (Câu 1)			1TL(5)
			– Mô tả được những tính chất cơ bản của phân thức đại số.		1TL(1a)		
			– Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia đối với hai phân thức đại số.		2TL(1b,1c)		
			– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân thức đại số đơn giản trong tính toán.		1TL(1d)		
2	Hàm số và đồ thị	<i>Hàm số và đồ thị</i>	– Nhận biết được những mô hình thực tế dẫn đến khái niệm hàm số.				
			– Nhận biết được đồ thị hàm số.				
			– Tính được giá trị của hàm số khi hàm số đó xác định bởi công thức.	1 TN (Câu 2)			
			– Xác định được tọa độ của một điểm trên mặt phẳng tọa độ;	1 TN (Câu 3)			
	<i>Hàm số bậc nhất $y = ax + b (a \neq 0)$ và đồ thị. Hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b (a \neq 0)$</i>	– Xác định được một điểm trên mặt phẳng tọa độ khi biết tọa độ của nó.	1 TN (Câu 4)				
		– Nhận biết được khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b (a \neq 0)$.					
		– Thiết lập được bảng giá trị của hàm số bậc nhất $y = ax + b (a \neq 0)$					
		– Sử dụng được hệ số góc của đường thẳng để nhận biết và giải thích được sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước.		1TL(2b)			
			– Vẽ được đồ thị của hàm số bậc nhất $y = ax + b (a \neq 0)$.		1TL(2a)		
			– Vận dụng được hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán thực tiễn (ví dụ: bài toán về chuyển động đều trong Vật lí,...).			2TL(3a,3b)	
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
3	Tứ giác	Tứ giác	– Mô tả được tứ giác, tứ giác lồi.	1 TN (Câu 5)			
			– Giải thích được định lí về tổng các góc trong một tứ giác lồi bằng 360° .				

			– Nhận biết được dấu hiệu để một hình thang là hình thang cân (ví dụ: hình thang có hai đường chéo bằng nhau là hình thang cân).	1 TN (Câu 6)	2TL(4a,4b)		
			– Nhận biết được dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành (ví dụ: tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường là hình bình hành).	1 TN (Câu 7)			
			– Nhận biết được dấu hiệu để một hình bình hành là hình chữ nhật (ví dụ: hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau là hình chữ nhật).	2 TN (Câu 8)			
			– Nhận biết được dấu hiệu để một hình bình hành là hình thoi (ví dụ: hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình thoi).				
			– Nhận biết được dấu hiệu để một hình chữ nhật là hình vuông (ví dụ: hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình vuông).				
		Tính chất và dấu hiệu nhận biết các tứ giác đặc biệt	– Giải thích được tính chất về góc kề một đáy, cạnh bên, đường chéo của hình thang cân.			1TL(4c)	
			– Giải thích được tính chất về cạnh đối, góc đối, đường chéo của hình bình hành.				
			– Giải thích được tính chất về hai đường chéo của hình chữ nhật.				
			– Giải thích được tính chất về đường chéo của hình thoi.				
			– Giải thích được tính chất về hai đường chéo của hình vuông.				